

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Văn Khắc

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Ngọc M; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Trương Văn Đ; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019 và bản tự khai ngày 11/3/2019 chị Bùi Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2013 tại UBND (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Thời gian kéo dài khiến cho chị thấy mệt mỏi và chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Trương Na N, sinh ngày 04/5/2013. Ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản : Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2019, anh Trương Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Ngọc M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên đôi lúc xảy ra cãi cọ. Chị M đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 01/2019 đến nay và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng giữa anh và chị M chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn nên anh mong muốn được đoàn tụ với chị M, anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Trương Na N, sinh ngày 04/5/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị M. Nếu chị M nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử ( Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); bị đơn chưa tuân thủ, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ngọc M được ly hôn anh Trương Văn Đ; Về con cái: Giao con chung là cháu Trương Na N, sinh ngày 04/5/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M; về án phí: Chị M phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện kiểm sát được biết.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Đ không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Đ theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh Điệp đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Đ đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị M và anh Đ.

[5] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc M và anh Trương Văn Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị M đã về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2019 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị M và anh Đ đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh Đ mong muốn được đoàn tụ nhưng chị M nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Ngọc M được ly hôn anh Trương Văn Đ.

[6] Về con cái: Chị Bùi Thị Ngọc M và anh Trương Văn Đ có một con chung là Trương Na N, sinh ngày 04/5/2013. Xét thấy, cháu Trương Na N là con gái lại đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên để cháu ở với mẹ sẽ phù hợp hơn về mặt tình cảm và giới tính. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với chị mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Trương Na N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

[7] Về tài sản: Chị M và anh Đ không yêu cầu nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ngọc M được ly hôn anh Trương Văn Đ.

Về con cái: Giao con chung là cháu Trương Na N, sinh ngày 04/5/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Anh Đ có quyền qua lại, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2016/0003569 ngày 08/3/2019, chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Ngọc M và anh Trương Văn Đ. Chị M và anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Nguyễn Thị Cúc**